

MỐI QUAN HỆ GIỮA TỪ PA-LI, SANSKRIT VỚI TỪ KHMER TRONG NGÔN NGỮ KHMER

NGUYỄN SỸ TUẤN*

Trong quá trình nghiên cứu văn học Campuchia, nhất là văn học cổ, trung đại, chúng tôi đã tiếp cận nhiều văn bản trong đó có rất nhiều từ được vay mượn hoặc có nguồn gốc từ Sangskrit và Pali. Đến nay, trong vốn từ Khmer hiện đại vẫn có một số lượng từ Sangskrit và Pali không nhỏ. Bởi vậy, chẳng phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà nghiên cứu đã dành nhiều tâm huyết để nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôn ngữ Khmer với ngôn ngữ Pa-li và Sangskrit. Bài viết của chúng tôi chỉ giới thiệu một vài nét chủ yếu về mối quan hệ này.

1. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng trong vốn từ vựng Khmer, lượng từ có nguồn gốc Sangskrit và Pa-li có số lượng rất lớn, có thể chiếm tới 60-70%. Tuy vậy, chúng tôi cũng chưa tiếp cận được một công trình khoa học nào thống kê một cách cụ thể, chính xác về số lượng từ vựng mà ngôn ngữ đã Khmer vay

mượn từ Sangskrit, Pa-li hoặc có nguồn gốc từ hai ngôn ngữ này.

Trong lúc chưa có (đúng hơn là chưa tiếp cận được) những số liệu chính thức về tỷ lệ từ Pa-li, Sangskrit trong ngôn ngữ Khmer, chúng tôi đã thử làm một thống kê nhỏ thông qua việc khảo sát mục từ "Xo" (phụ âm Xo) trong Từ điển Khmer-Khmer của Chuôn Nát⁽¹⁾. Cần nói thêm rằng mục từ "Xo" có số lượng từ nhiều nhất trong bất cứ cuốn từ điển Khmer nào. Kết quả như sau:

Mục từ "Xo" có tất cả 2446 từ, trong đó có 750 từ hoặc là vay mượn hoàn toàn từ Sangskrit hoặc có nguồn gốc từ hai ngôn ngữ này. Trong số 750 từ đó, có 55 từ Pa-li (7,5%), 22 từ Sangskrit (2%), 93 từ Pa-li, Sangskrit (12,5%)⁽²⁾, 580 từ Khmer hoá có nguồn gốc Pa-li, Sangskrit (78%). Chúng tôi đã tiến hành phân loại các từ vay mượn hoặc có nguồn gốc từ Pa-li và Sangskrit của mục từ này và có kết quả như sau:

* TS. Nguyễn Sỹ Tuấn, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

750 từ / tổng số 2446 từ . Chia ra:											
Từ Pa-li (55 từ)			Từ Sangskrit (22 từ)			Từ Pa-li + Sangskrit (93 từ)			Từ có nguồn gốc Pa-li và Sangskrit (580 từ)		
Danh từ	Động từ	Tính từ	Danh từ	Động từ	Tính từ	Danh từ	Động từ	Tính từ	Danh từ	Động từ	Tính từ
447	11	77	116	11	55	880	22	111	4453	227	889

Xem bảng trên chúng ta thấy, tỷ lệ từ vay mượn hoặc từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ Pa-li, Sangskrit vào khoảng 30% . Có thể tỷ lệ này chưa hoàn toàn phản ánh được mức độ hay số lượng từ vay mượn Pa-li, Sangskrit hay các từ có nguồn gốc từ Pa-li, Sangskrit trong ngôn ngữ Khmer. Song, qua đó chúng ta cũng hình dung được phần nào tình trạng vay mượn, giao thoa giữa các ngôn ngữ nói trên.

Cũng qua hai bảng trên chúng ta thấy hai điểm cơ bản: 1/ tỷ lệ từ có nguồn gốc Pa-li, Sangskrit lớn hơn tỷ lệ từ vay mượn hoàn toàn; 2/ Xét về mặt từ loại thì danh từ được vay mượn hoặc được Khmer hoá nhiều hơn động từ, tính từ.

Một vấn đề đặt ra là tạo sao ngôn ngữ Khmer lại vay mượn một số lượng từ vựng Khmer lớn đến như vậy và quan trọng hơn nữa, sự vay mượn đó đã diễn ra theo phương cách nào .

Trước hết, có thể nói rằng bất cứ một ngôn ngữ nào trong quá trình phát triển của mình không thể không diễn ra hiện tượng vay mượn⁽³⁾. Và lại càng không chỉ vay mượn một ngôn ngữ. Với ngôn ngữ Khmer cũng vậy.

Keng Vannsak, học giả Campuchia, trong công trình *Những nguyên tắc cấu tạo từ mới Khmer* (Principes de creation des mots nouveaux)⁽⁴⁾ cho rằng để phát triển và đáp ứng được nhu cầu giao tiếp của xã hội, ngôn ngữ Khmer cần phải vay mượn từ bên ngoài. Bởi vì, theo ông, ngôn ngữ Khmer tuy đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng trong đó nhiều khiếm khuyết, bất cập.

Những bất cập của ngôn ngữ Khmer, theo Keng Vannsak, đó là: Số lượng từ Khmer có nhiều nhưng khó sử dụng một cách chính xác, thậm chí gây nhiều tranh cãi. Thiếu những thuật ngữ, hay những từ mang tính khái quát cao, do vậy nhiều khi phải diễn giải dài dòng, ví dụ để chỉ người nông dân /ka'xe'kaa /⁽⁵⁾, người ta phải diễn giải rằng đó là người làm ruộng rẫy /neak tvææ xrae camkaa/, hoặc để chỉ nghề nông hay nông nghiệp /ka'se'kam / lại phải diễn giải là công việc làm ruộng rẫy /kaa tvææ xrae camkaa /. Nhiều trường hợp từ có nghĩa quá rộng nhưng có khi lại quá hẹp. Thiếu những từ mang tính kỹ thuật, có độ chuẩn xác cao. Có những từ có nhiều nghĩa, khó sử dụng một cách chính xác⁽⁶⁾. Bởi vậy, việc vay mượn ngôn ngữ nước ngoài, ở đây là vay mượn ngôn ngữ

Pa-li, Sangskrit, là một yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, ông cũng lưu ý rằng, chỉ khi nào thấy thật sự cần thiết, nghĩa là chỉ khi nào không tìm thấy trong ngôn ngữ dân tộc một khả năng thay thế nào mới phải vay mượn. Và, ông coi sự cần thiết là một trong 5 nguyên tắc cấu tạo từ mới Khmer⁽⁷⁾.

Với yêu cầu đó, và trong bối cảnh tồn tại một sự hỗn dung văn hoá Khmer, Ấn Độ trong một thời gian dài thì ngôn ngữ Sangskrit và Pa-li đã hiện diện, xâm nhập vào ngôn ngữ Khmer như một lẽ tự nhiên. Hay nói một cách khác, ngôn ngữ Khmer đã tiếp nhận, vay mượn một bộ phận của ngôn ngữ Sangskrit và Pa-li là một điều tất yếu. Cố nhiên, ngôn ngữ Khmer còn phải vay mượn nhiều ngôn ngữ khác nữa như ngôn ngữ Thái, ngôn ngữ Hán⁽⁸⁾, ngôn ngữ Pháp v.v...

Sự vay mượn các từ Pa-li, Sangskrit được thể hiện trên các cấp độ khác nhau. Cấp độ cao nhất là sử dụng nguyên các từ hoặc các khái niệm của ngôn ngữ Sangskrit hoặc Pa-li; cấp độ thứ hai là sử dụng một phần, một bộ phận; cấp độ thứ ba là biến một từ Sangskrit hay Pa-li thành một từ Khmer (Khmer hoá).

Mục đích của sự vay mượn này là nhằm để thay thế những từ, những thuật ngữ mà ngôn ngữ Khmer không có, nhưng điều quan trọng hơn là sử dụng chúng như những cơ sở để tạo nên những từ mới, những khái niệm mới, thông qua các thao tác được gọi là Khmer hoá.

2. Ngôn ngữ Khmer thuộc ngữ hệ Môn-Khmer, với đặc trưng cơ bản là đơn âm, còn ngôn ngữ Pa-li, Sangskrit thuộc hệ ngôn ngữ Ấn - Âu, đa âm tiết. Theo các nhà nghiên cứu, để phù hợp với quy

luật, thói quen phát âm của người Khmer, chỉ một số từ Pa-li, Sangskrit có ít âm tiết được vay mượn một cách hoàn toàn, còn các từ có nhiều âm tiết thì khi du nhập vào Campuchia phải được lược bớt bỏ một số âm tiết, hình vị cho phù hợp (chúng tôi sẽ trình bày rõ ở phần Khmer hoá). Tuy nhiên, trong thực tế, chúng tôi thấy các từ Pa-li, Sangskrit được vay mượn hoàn toàn cũng không phải chỉ có các từ có ít âm tiết mà còn có các từ có nhiều âm tiết. Ví dụ:

Từ có một âm tiết: Kal / kaal / : thời gian, giai đoạn, thời kỳ; Phut / phuut / : thiên thần, linh hồn, sinh vật; Phum / phuum / vị thần cai quản ở trên mặt đất; Phum / phuum / đất, vùng, chỗ ở, làng⁽⁹⁾; Phet / pheet / diện mạo, hình dáng, loại, loài.

Từ có 2 âm tiết: Katha / ka'thaa / từ, lời nói; kathen / ka'then / tấm áo ca-sa dâng cho các nhà sư trong một lễ Phật đặc biệt, quen gọi là lễ Cà-thân.

Từ có 3 âm tiết: Xamana / xa'maana' / bằng nhau, cùng nhau; Xamara 'xa'ma'ra' / chiến tranh, quân đội; Xamuha / sa'muuha' / tập hợp, nhóm, bọn.

Thậm chí có những từ có tới 6 âm tiết: Putthexanakan / Putthea'sahsa'na'kaal / thời đại Phật giáo.

Về mặt chức năng, từ Pa-li, Sangskrit phổ biến được vay mượn để sử dụng trong các nghi lễ, nghi thức tôn giáo. Ví dụ trong các bộ kinh T'ray bầy độ (Kinh, Luật, Luận) hoặc T'ray Phum (Ba thế giới) ngôn ngữ được sử dụng là ngôn ngữ Pa-li. Từ Pa-li, Sangskrit cũng được vay mượn để chỉ các sự vật, hiện tượng thiêng liêng, tôn kính. Ví dụ từ Pré / preah / có nghĩa là sự tôn kính, được vay

mượn để sử dụng trong các trường hợp có liên quan đến thần thánh, mặt trời, mặt trăng, đức vua, hoàng tộc (thường từ Pré được gắn với một từ khác tạo thành một từ kép, như Pré Atít / preah'aatit / mặt trời; Pré Chăn / Preah'can / mặt trăng; Pré Riech / preah riec / hoàng gia; Prékaruna / preahka'ru'naa / Đức vua v.v...).

Từ Sangskrit, Pa-li còn được vay mượn để chỉ các khái niệm trừu tượng. Ví dụ từ Kram / kraama / là một từ Sangskrit để chỉ về điều luật, nguyên tắc. Kram được ghép với một số từ Pa-li, Sangskrit khác để chỉ một số bộ luật: / Kram kbat xak / luật phản bội quân đội, / Kram to'laakaa / luật toà án...

Ngôn ngữ Pa-li, Sangskrit tham gia một cách tích cực vào đời sống văn học. Văn học Campuchia, nhất là văn học truyền thống, là một nền văn học "không tách rời khỏi lý tưởng xã hội, đạo đức, chính trị và tôn giáo vốn phù hợp cả với lý tưởng của vương thất lẫn mô thức về cuộc sống vị lai của Phật giáo (...), dựa trên những ngôn từ hoa mỹ, các thể văn đã định hình và sử dụng lại một số khuôn mẫu sẵn có mang tính điển hình cao..."⁽¹⁰⁾. Do vậy mà sự vay mượn, sử dụng ngôn từ Pa-li, Sangskrit đã trở nên khá phổ biến trong văn học, nhất là về các khái niệm thể loại văn học như Sa-tra / sattraa/, Sa-tra l'beng / lbaen /⁽¹¹⁾.

3. Về mặt ngôn ngữ học, từ Sangskrit và Pali đóng một vai trò rất quan trọng trong ngôn ngữ Khmer, đặc biệt, theo một số nhà nghiên cứu, chúng được sử dụng như những cơ sở để tạo nên những từ mới hay những khái niệm mới trong ngôn ngữ Khmer.

Có nhiều cách khác nhau để tạo ra những từ mới trong ngôn ngữ Khmer. Dưới đây chúng tôi giới thiệu một số cách phổ biến thường gặp để tạo ra các từ mới.

- Dùng một từ Pa-li, Sangskrit kết hợp với một từ Khmer hoặc một từ Pa-li, Sangskrit khác để tạo ra một từ mới, một khái niệm mới.

Ví dụ từ Phiếp / phiep / là một từ Pa-li, Sangskrit có khả năng kết hợp với rất nhiều từ Khmer khác ở cả hai vị trí tiền tố và hậu tố. Ở vị trí tiền tố nó chỉ tính cách, tính chất của sự việc, hiện tượng: Phiếp lờ-o / phiep l'aa / là tính chất tốt đẹp (lờ-o, tiếng Khmer có nghĩa là tốt, đẹp); phiếp-khơ-lăng / phiep khla / thể mạnh (khlăng tiếng Khmer có nghĩa là mạnh); phiếp khxoi / phiep ksaoy / thể yếu (khxoi, tiếng Khmer có nghĩa là yếu). Ở vị trí hậu tố nó chỉ "sự", "việc", "cuộc". Hoặc từ sơ-ma / sa'ma/ có nghĩa là bằng nhau, như nhau được dùng làm tiền tố hay tiếp đầu từ để tạo ra các từ hoặc các khái niệm mới: Sa-măngki-phiếp / sa'ma ki'phiep / sự phối hợp, sự hoà hợp, sự hài hoà cân đối; sơ-ma-phiếp / sa'ma'phiep / sự bình đẳng; từ sa-ha / sa'ha/ có nghĩa là liên minh, cùng nhau, có thể làm tiếp đầu từ cho khá nhiều từ: Sa-ha-kăm / sa'ha'kam/ làm việc cùng nhau, hợp tác xã (kăm có nghĩa là lao động); sa-ha-ka / sa'ha'ka / sự hợp tác; sa-ha-ka-ri / 'sa'ha'kari / cộng tác viên, người cộng sự; Sa-ha-chíp / sa'ha'ciip / công đoàn (chíp có nghĩa là đời sống, cuộc sống); sa-ha-rod-a-mê-ric / sa'ha'roatameriic/ hiệp chủng quốc Hoa Kỳ (rod có nghĩa là quốc gia).....

Như vậy, các từ Pa-li, Sangskrit ở dạng nguyên thể của nó khi du nhập vào ngôn ngữ Khmer đã đảm đương

nhiều chức năng khác nhau. Chúng vừa là công cụ chuyển tải các kinh luật tôn giáo, vừa là các công cụ chỉ các khái niệm khoa học, các sự vật hiện tượng mang tính trừu tượng cao. Nhiều từ Pa-li, Sangskrit còn tham gia với tư cách là một yếu tố (tiền tố hoặc hậu tố hoặc trung tố) của một từ mới. Chính khả năng này làm cho ngôn ngữ Pa-li, Sangskrit chiếm địa vị quan trọng trong đời sống ngôn ngữ Khmer. Tuy nhiên, không phải lúc nào các từ Pali, Sangskrit cũng được tiếp nhận ở dạng nguyên thể của nó mà phần lớn chúng phải được Khmer hoá. Mục đích của Khmer hoá là nhằm làm giảm bớt số lượng âm tiết trong các từ Pa-li, Sangskrit để phù hợp với ngôn ngữ Khmer mang đặc tính đơn âm tiết.

Có nhiều phương pháp để rút gọn âm tiết. Dưới đây là hai phương pháp chủ yếu:

Phương pháp 1:

Rút gọn âm tiết bằng cách xoá bỏ một số âm tiết.

Có 3 loại âm tiết cần phải xoá bỏ là âm tiết đầu, âm tiết giữa và âm tiết cuối:

a. Xoá bỏ âm tiết đầu.

Ví dụ: 'aphi'rum = phi'rum (hạnh phúc); 'abaasak / baasak (môn đồ, môn đệ của tôn giáo), xoá bỏ âm tiết / 'a /.

b. Xoá bỏ âm tiết giữa.

Phastu + tang / phoatsu + ta / = Phastang / phoakta / (chứng cứ).

c. Xoá bỏ âm tiết cuối: Có 2 cách thức để xoá bỏ âm tiết cuối:

- Xoá bỏ nguyên âm của âm tiết cuối nào là âm tiết mở: Ví dụ, từ Haet-tu / haet / (bỏ âm tiết u); So'meeru' / So'mee / xoá bỏ âm tiết u.

- Xoá nguyên âm tiết cuối là âm tiết mở ngắn bằng cách xoá tất cả nguyên âm, phụ âm. Đặc điểm của ngôn ngữ Khmer là có hai loại âm tiết, một loại âm tiết gọi là âm tiết ản, và loại còn lại là âm tiết thông thường⁽¹²⁾.

Xoá bỏ âm tiết ản; bằng 3 cách:

+ Xoá chỉ một âm tiết: Kamma / kãm (có nghĩa là hành động) xoá bỏ âm tiết / ma /

+ Xoá bỏ một nửa âm tiết: Prayaocn / prayaoc (lợi ích- bỏ phụ âm / no /).

+ Xoá bỏ hai âm tiết: Veeyyiekaarana = Veeyyiekaa (có nghĩa là ngữ pháp), bỏ hai âm tiết là / ra /, / na /.

Xoá bỏ loại âm tiết thông thường, ví dụ: Bodhi = boud (Bụt), Kerti = kee (danh tiếng) xoá bỏ âm tiết / ti /.

Phương pháp 2:

Rút gọn âm tiết bằng cách dính các phụ âm của các âm tiết mở với nhau tạo thành phụ âm tổng hợp (groupe consonnantique).

Ví dụ trong từ Sapatha / Sa'pa'tha' / (lời nguyện, lời thề) biến thành Spat / spat / thì 2 phụ âm S và P dính liền với nhau, tạo thành phụ âm tổng hợp SP. Cách thức dính hai phụ âm như vậy là phương pháp đặc biệt trong khi rút gọn âm tiết trong các từ Pa-li, Sangskrit.

Một từ Pa-li, Sangskrit thường có nhiều âm tiết, vậy phải rút gọn những âm tiết nào? Theo Keng Vannsak (trong công trình đã dẫn) thì có hai loại rút gọn âm tiết:

- Rút gọn hai âm tiết đầu với nhau để tạo thành một âm tiết bằng cách xoá nguyên âm ản ra khỏi âm tiết đầu (a).

- Rút gọn âm tiết giữa và âm tiết cuối để tạo nên một âm tiết (b).

Cả hai trường hợp (a) và (b) trên đây có thể rút gọn âm tiết bằng cách tạo ra một phụ âm tổng hợp để loại bỏ âm tiết đầu và âm tiết cuối.

Ví dụ trong từ Sakara (là đường ăn) biến thành Sko / skaa / thì âm tiết bị xoá bỏ là / xa' / ở đầu và âm tiết / ra' / ở cuối.

Nhìn chung, hai phương pháp Khmer hoá trên đây chỉ nhằm mục đích là rút gọn số lượng âm tiết trong từ Pa-li, Sangskrit bằng cách xoá bỏ âm tiết đầu, âm tiết giữa và âm tiết cuối. Tuy nhiên, những từ rút gọn thường là và phần nhiều là mất âm tiết giữa và âm tiết cuối và những âm tiết bị xoá bỏ phần nhiều là các âm tiết ngắn: âm tiết ẩn hoặc âm tiết mở với nguyên âm ngắn.

Những từ Pa-li, Sangskrit có âm tiết bị loại bỏ như vậy không hoàn toàn là những từ Pa-li, Sangskrit đích thực nữa mà biến thành các từ theo kiểu Khmer. Và những từ này đã có số âm tiết tối thiểu.

Ví dụ:

Từ 3 âm tiết còn 1 âm tiết: Sakara / Sa'ka'ra' / = / Ska/ (đường ăn).

Từ 4 âm tiết xuống 2: Pinitpichay /Pi'ni-pi'cay/ = Pi-chay /pi'cay/ (nghiên cứu, kiểm tra một cách kỹ lưỡng).

Từ 5 âm tiết xuống 3: Antarakapa /'anta'ra'ka'pa'/= / 'anta' ra'kap/ khoảng thời gian⁽¹³⁾.

v.v...

Qua việc trình bày ở trên, chúng ta thấy ngôn ngữ Khmer và ngôn ngữ Pa-li, Sangskrit đã có sự tiếp xúc từ rất sớm. Trong quá trình tiếp xúc đó, ngôn ngữ Khmer đã vay mượn một lượng từ vựng khá lớn từ hai ngôn ngữ này. Sự

vay mượn này là không thể tránh khỏi và nó không chỉ làm phong phú thêm vốn từ vựng Khmer, đáp ứng nhu cầu giao tiếp xã hội ngày một phát triển của Campuchia mà còn là cơ sở để cho ngôn ngữ Khmer tự tạo cho mình những từ vựng mới, làm cho ngôn ngữ Khmer càng tiến xa trên con đường đa tiết hoá. Cố nhiên còn nhiều phương cách nữa và đây cũng chỉ là ý kiến bước đầu nhằm giới thiệu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ Khmer với ngôn ngữ Pali và Sangskrit.

CHÚ THÍCH

1. Chuôn Nat: *Từ điển Khmer*, Edition de L'institut Bouddhique, 1967-1968 (in lần thứ 5). Trong Từ điển, tác giả có ghi chú (để trong ngoặc đơn) các từ có nguồn gốc Pa-li, Sangskrit, các từ Pa-li hoặc Sangskrit và các từ Pa-li / Sangskrit.
2. *Từ điển Khmer*, trong các từ, Chuôn Nat để trong ngoặc đơn các ký hiệu P để chỉ từ Pa-li, ký hiệu S để chỉ từ Sangskrit, nhưng có những từ tác giả ghi cả hai ký hiệu P và S và ghi chú rằng đây là các từ pha trộn Pa-li, Sangskrit. Do vậy chúng tôi xếp các từ thuộc loại này vào cột Pa-li và Sangskrit.
3. Xem thêm Phan Ngọc: *Sự tiếp xúc ngữ nghĩa giữa tiếng Việt và tiếng Hán (Vấn đề ngữ nghĩa của từ Hán Việt)*. In trong " *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*". Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Đông Nam Á, Hà Nội 1983.
4. Keng Vannsak: *Principes de creation des mots nouveaux*. La Faculte des lettres et des Sciences Humaines de Phnom-Penh, Cambodge, 1964 (bằng tiếng Khmer).

5. Chưa có một sự thống nhất trong việc phiên âm tiếng Khmer, trong bài này chúng tôi phiên âm theo cuốn *Từ điển Khmer - Anh hiện đại* (Touch Li Mo-li, Phnôm Pênh, Campuchia, 2002).
6. Keng Vannsak, tldd, tr.10.
7. Năm nguyên tắc: 1/ Nguyên tắc Sự cần thiết (Principes de Necesite), 2/ Nguyên tắc Thăng tiến (Principes de Progres), 3/ Nguyên tắc Hợp lý hoá (Principes de Rationalisation) 4/ Nguyên tắc Khmer hoá (Principes de Khmerisation), 5/ Nguyên tắc Tương hỗ (Principes de Récipocite).
8. Pou Saveros va Jenner Philip N trong *Một số Hán tự vay mượn trong ngôn ngữ Khmer* (Tạp chí nghiên cứu Đông phương II,(1), 1973) đã lập danh sách trên 300 từ Hán nhưng chưa nói đã là toàn bộ từ Hán có trong ngôn ngữ Khmer hay chưa.
9. Hai từ Phum này đọc giống nhau nhưng viết khác nhau. Người Khmer gọi vị thần bảo vệ ruộng rẫy là Pré Phum.
10. Népote & Khing Hoc Dy: Ảnh hưởng của văn chương Trung Quốc đối với Campuchia thế kỷ 19 và 20 (in trong *Tiểu thuyết truyền thống Trung Quốc ở Châu Á*, Claudine Salmon chủ biên, Trần Hải Yến dịch. NXB KHXH, H.2004, tr.298).
11. Sa-tra là một từ Sangskrit để chỉ các kinh, luật trong tôn giáo, trong văn học, nó có một nghĩa phái sinh, có nghĩa là các văn bản văn học, tác phẩm văn chương nói chung. Lbeng có xuất xứ từ Lêng có nghĩa là chơi, giải trí. Hai từ này ghép với nhau, tạo thành một thể loại là Sa-tra Lờ-beng, một thể loại văn học có khả năng đem đến cho độc giả thưởng thức hay vui chơi giải trí, hoặc tạo cho độc giả một cảm giác phấn chấn, rung động, nó khác với thể loại Ku-pi Sa-tra, có nghĩa là các kinh truyện trong Phật giáo, nhằm mục đích giáo huấn hay luận đàm về Phật giáo (Xin xem *Thể loại Sa-tra Lờ-beng trong văn học Campuchia trung đại* (Nguyễn Sỹ Tuấn, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 5 (62), 2003, từ tr.58-63.
12. Trong ngôn ngữ Khmer có khái niệm âm tiết ẩn. Âm tiết ẩn là âm tiết được sinh ra từ phụ âm ẩn và nguyên âm ẩn. Nguyên âm ẩn (voylles inhérentes) là nguyên âm lặn, hoặc chìm, nó không tách rời trong phụ âm. Trong các chữ cái Kô hoặc Ko đã có nguyên âm O hoặc Ô chìm trong đó. Phụ âm ẩn (consonnes inhérentes) là phụ âm dính liền, không tách rời nguyên âm ẩn. Ví dụ chữ cái Kô và Ko là chữ có nguyên âm ẩn O và Ô, gọi là phụ âm ẩn. Nguyên âm ẩn, phụ âm ẩn và âm tiết ẩn có vị trí hết sức quan trọng trong việc Khmer hoá, rút gọn số lượng âm tiết từ Pa-li, Sangskrit.
13. Một số dẫn giải và ví dụ trong bài viết này chúng tôi dựa theo tài liệu đã dẫn của Keng Vannsak.